



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG
606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 1900 099 958
Website: www.cdbeco.com.vn Email: info@cdbeco.com.vn

Thư mời

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên (Đại hội) năm 2026 như sau:

1. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội:

- Thời gian: **Thứ ba 9h00 ngày 21 tháng 4 năm 2026**
- Địa điểm: Sảnh Phòng 10A- Tầng 10, Nhà khách Quốc hội, số 165 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung chương trình Đại hội: Vui lòng xem Chương trình Đại hội đính kèm.

3. Tài liệu Đại hội: Sẽ được công bố và đăng tải theo quy định trên website: www.cdbeco.com.vn và gửi đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương theo danh sách cổ đông chốt vào ngày **17/03/2026**

5. Đăng ký dự họp: Để chuẩn bị đón tiếp Đại biểu được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng gửi *Giấy đăng ký hoặc ủy quyền* về Văn phòng Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương theo địa chỉ bên dưới trước **16h00 ngày 20/04/2026**.

6. Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền và gửi *Giấy đăng ký hoặc ủy quyền* về Văn phòng Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương theo địa chỉ bên dưới trước **16h00 ngày 20/04/2026** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội. (Lưu ý: *Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký; có dấu (nếu là tổ chức)*).

7. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ

Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương

Địa chỉ: 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP.HCM

Điện thoại: 1900 099 958

Liên hệ:

Ms. Nguyễn Thúy Phượng – Giám đốc

ĐT: 090 330 0289

Email: phuongnt@sabeco.com.vn

Ms. Bùi Thị Hạnh – Thư ký Đại hội

ĐT: 0705 241 362

Email: hanhbt@chuongduong.sabeco.com.vn

Cổ đông/ Đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội vui lòng mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước Công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền tham dự Đại hội trường hợp được ủy quyền.

Trân trọng,



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẶC ỦY QUYỀN***(Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)***Kính gửi: Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương**

Tên cổ đông:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

CMND/Thẻ căn cước/CNĐKDN số:.....cấp ngày.....tại.....

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:cổ phần

*(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)***1. ĐĂNG KÝ DỰ HỢP**☐**2. ỦY QUYỀN CHO CÁ NHÂN/TỔ CHỨC DƯỚI ĐÂY**☐

Tên cá nhân/ tổ chức.....MSCĐ (nếu có).....

CMND/Thẻ căn cước/CNĐKDN số:cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ:

Số cổ phần ủy quyền:

Người được ủy quyền tham dự (nếu bên được ủy quyền là tổ chức):

Hoặc:

Trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số cổ phần ủy quyền
1	Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	<input type="checkbox"/>	

*(Lưu ý: Ủy quyền toàn bộ số CP sở hữu cho một người; hoặc ghi rõ số CP ủy quyền cho từng người).***Nội dung ủy quyền:**

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết và/ hoặc quyền bầu cử đối với các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của bên ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký sống của hai bên; phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức (trừ trường hợp bên nhận ủy quyền là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương. Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

Cổ đông /Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ngày tháng năm 2026
Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn



Tp.HCM, ngày ... tháng năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương,

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương năm 2026 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

- Quy chế tổ chức được xây dựng nhằm đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương năm 2026 (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ hoặc Đại hội) diễn ra đúng quy định.
- Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- a. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục II; ĐHĐCĐ phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (**30**) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II; ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (**30**) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương theo danh sách chốt ngày **17/03/2026** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Khách mời, cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông đăng ký và tham gia Đại hội, và nhận hồ sơ tài liệu, tại bộ phận đón tiếp.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.
- Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - ✓ Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
 - ✓ Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - ✓ Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.
 - ✓ Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

6. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:
 - ✓ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.
 - ✓ Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.
 - ✓ Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
 - ✓ Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
 - ✓ Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
 - ✓ Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

8. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - ✓ Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
 - ✓ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
 - ✓ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
 - ✓ Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
 - ✓ Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9. Phát biểu tại Đại hội:

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có quyền phát biểu tại Đại hội. Cổ đông đăng ký phát biểu bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và tuân theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội trên cơ sở Chương trình Đại hội được thông qua. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, rõ ràng và phù hợp với nội dung Chương trình của Đại hội. Để việc trả lời được rõ ràng, đầy đủ và tiết kiệm thời gian của Đại hội, cổ đông được khuyến khích không lặp lại câu hỏi của Cổ đông khác và gửi ý kiến bằng văn bản đến Thư ký Đại hội để tổng hợp và chuyển đến Chủ tọa điều hành Đại hội được thuận tiện và hiệu quả.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

10. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung về biểu quyết:

- ✓ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- ✓ Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một (01) Thẻ biểu quyết** và **một (01) Phiếu biểu quyết** có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội

b. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

- Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:
- ✓ Tán thành với nội dung vừa được trình;



- ✓ Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

❖ **Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.

- ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
- ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.
- ✓ Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

❖ **Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

❖ Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- ✓ Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
- ✓ Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
- ✓ Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.
- ✓ Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Thẻ có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

❖ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- ✓ Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- ✓ Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- ✓ Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO); dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài

chính gần nhất của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương; tổ chức lại, giải thể CDBECO; gia hạn hoạt động của CDBECO được thông qua khi có ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/ người được ủy quyền dự họp tán thành.

- ✓ Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông/ người được ủy quyền đại diện cho ít nhất **50%**.

11. Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

III. THỰC HIỆN:

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trục xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

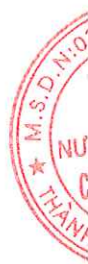
Tan Teck Chuan Lester



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0300584564 0300584564	ngày 24 tháng 7 năm 2017 ngày 8 tháng 11 năm 2023
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300584564 ngày 30 tháng 1 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
Hội đồng Quản trị	Ông Tan Teck Chuan Lester Ông Trần Đức Hòa Ông Đặng Trung Kiên Ông Phạm Tấn Lợi Ông Lê Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Phước Thoại Ông Nguyễn Hoàng Hiệp Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Bà Nguyễn Thúy Phượng Ông Vũ Thành Chung Ông Phạm Tấn Lợi Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc (từ ngày 16 tháng 1 năm 2026) Giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2025 đến ngày 15 tháng 1 năm 2026) Giám đốc (đến ngày 15 tháng 8 năm 2025) Kế toán trưởng (đến ngày 15 tháng 1 năm 2026)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tan Teck Chuan Lester Bà Nguyễn Thúy Phượng Ông Vũ Thành Chung Ông Phạm Tấn Lợi	Chủ tịch Giám đốc (từ ngày 16 tháng 1 năm 2026) Giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2025 đến ngày 15 tháng 1 năm 2026) Giám đốc (đến ngày 15 tháng 8 năm 2025)
Trụ sở đăng ký	Số 606, Đường Võ Văn Kiệt Phường Cầu Ông Lãnh Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, với sự hỗ trợ liên tục từ công ty mẹ, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thúy Phượng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00486 -26-1

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		105.776.537.831	130.211.636.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	70.709.113.114	65.872.295.390
Tiền	111		35.709.113.114	15.872.295.390
Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.987.729.186	7.038.215.450
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.792.049.187	8.041.275.144
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.307.350	342.617.853
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.298.418.401	717.414.776
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(2.154.476.903)	(2.063.092.323)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.431.151	-
Hàng tồn kho	140	8(a)	13.959.588.012	40.854.156.051
Hàng tồn kho	141		14.858.391.601	41.811.889.154
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(898.803.589)	(957.733.103)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.120.107.519	16.446.969.446
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		514.829.613	751.515.340
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.183.849.822	15.442.003.290
Thuế phải thu Nhà nước	153		421.428.084	253.450.816

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		496.111.074.711	516.921.702.765
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.001.000.000	7.001.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	7.001.000.000	7.001.000.000
Tài sản cố định	220		193.508.693.052	201.907.434.402
Tài sản cố định hữu hình	221	10	46.952.881.994	50.121.069.803
Nguyên giá	222		117.741.794.725	114.990.874.725
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.788.912.731)	(64.869.804.922)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	146.555.811.058	151.786.364.599
Nguyên giá	225		173.582.726.065	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.026.915.007)	(21.796.361.466)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
Nguyên giá	228		1.300.192.426	1.300.192.426
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.300.192.426)	(1.300.192.426)
Bất động sản đầu tư	230	13	231.039.255.659	241.306.813.811
Nguyên giá	231		257.975.775.291	257.975.775.291
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.936.519.632)	(16.668.961.480)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	966.314.367	2.240.671.822
Xây dựng cơ bản dở dang	242		966.314.367	2.240.671.822
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.500.000.000	6.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	6.500.000.000	6.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		57.095.811.633	57.965.782.730
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	51.267.839.008	52.935.359.736
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.788.499.697	4.951.513.114
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8(b)	39.472.928	78.909.880
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		601.887.612.542	647.133.339.102

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		759.567.163.733	724.451.205.799
Nợ ngắn hạn	310		563.813.543.962	546.504.274.414
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	35.405.880.008	41.937.356.637
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		276.112.228	211.212.827
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	521.364.168	43.152.777
Phải trả người lao động	314		3.262.600.000	3.328.932.871
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	34.765.156.191	37.125.954.790
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	796.978.321	748.323.821
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	488.779.802.912	463.103.690.557
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.650.134	5.650.134
Nợ dài hạn	330		195.753.619.771	177.946.931.385
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	24.095.642.669	5.307.070.229
Nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	167.935.888.117	169.444.430.406
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	3.722.088.985	3.195.430.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(157.679.551.191)	(77.317.866.697)
Vốn chủ sở hữu	410	23	(157.679.551.191)	(77.317.866.697)
Vốn cổ phần	411	24	85.000.000.000	85.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(347.276.838)	(347.276.838)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	104.569.834.944	104.569.834.944
Lỗ lũy kế	421		(346.902.109.297)	(266.540.424.803)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		(266.540.424.803)	(200.955.682.716)
- <i>Lỗ năm nay</i>	421b		(80.361.684.494)	(65.584.742.087)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		601.887.612.542	647.133.339.102

Ngày 15 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Nguyễn Thúy Phương
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu	01	27	166.812.395.373	190.960.239.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	6.381.714.643	7.681.891.554
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	160.430.680.730	183.278.347.815
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	119.022.332.926	132.982.602.008
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		41.408.347.804	50.295.745.807
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.879.920.966	2.994.014.832
Chi phí tài chính	22	30	43.341.305.744	40.530.053.743
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>43.315.116.914</i>	<i>40.520.889.937</i>
Chi phí bán hàng	25	31	52.713.898.621	49.936.055.948
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	20.833.339.498	21.653.295.474
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(73.600.275.093)	(58.829.644.526)
Thu nhập khác	31	33	596.509.841	2.790.281.219
Chi phí khác	32	34	8.194.905.825	10.630.130.387
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(7.598.395.984)	(7.839.849.168)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(81.198.671.077)	(66.669.493.694)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(836.986.583)	(1.084.751.607)
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(80.361.684.494)	(65.584.742.087)
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	37	(9.479)	(7.736)

Ngày 15 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Nguyễn Thúy Phượng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(81.198.671.077)	(66.669.493.694)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		21.417.219.502	21.324.155.701
Các khoản dự phòng	03		1.185.707.736	787.454.756
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.958.679)	(4.896.154)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.870.962.287)	(3.842.197.153)
Chi phí lãi vay	06		43.314.870.689	40.520.889.937
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(17.160.794.116)	(7.884.086.607)
Biến động các khoản phải thu	09		1.734.243.104	(826.164.455)
Biến động hàng tồn kho	10		27.126.186.606	(20.054.561.815)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		10.343.505.504	18.338.221.037
Biến động chi phí trả trước	12		1.904.206.455	2.252.662.373
			23.947.347.553	(8.173.929.467)
Tiền lãi vay từ thuê tài chính đã trả	14		(16.890.763.183)	(16.158.150.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(6.067.553.221)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(759.846.536)	(577.506.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.296.737.834	(30.977.139.570)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và quyền sử dụng đất	21		(2.270.892.105)	(11.099.989.481)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	895.436.818
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi gửi tiền gửi có kỳ hạn	24		-	40.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.187.647.219	2.896.513.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.244.886)	(7.308.038.903)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
------------------	------------------------	---------------------	---------------------

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34	(1.383.983.751)	(1.229.396.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.383.983.751)	(1.229.396.182)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.829.509.197	(39.514.574.655)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	65.872.295.390	105.381.973.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	7.308.527	4.896.154
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	70.709.113.114

Ngày 15 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Nguyễn Thúy Phượng
Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là SCD.

Ngày 5 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định số 180/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ ngày 6 tháng 5 năm 2024.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 462/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 5 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SCD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống; sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống; xây dựng và cung cấp kho bãi cho thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 187 nhân viên (1/1/2025: 193 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giá định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 80.362 triệu VND (2024: 65.585 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 458.037 triệu VND và tổng nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 157.680 triệu VND (1/1/2025: lần lượt là 416.293 triệu VND và 77.318 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 2 – 23 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 2 – 8 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần chính sách kế toán 3(e).

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán năm trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước giải khát. Hoạt động khác là nắm giữ bất động sản đầu tư chờ tăng giá và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi.

Các mảng kinh doanh của Công ty như sau:

2025	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tổng doanh thu bộ phận thuần	134.590.539.755	25.840.140.975	160.430.680.730
Giá vốn hàng bán bộ phận	(107.809.523.937)	(11.212.808.989)	(119.022.332.926)
Chi phí bán hàng bộ phận	(52.713.898.621)	-	(52.713.898.621)
Kết quả của bộ phận	(25.932.882.803)	14.627.331.986	(11.305.550.817)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(20.833.339.498)
Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ			1.879.920.966
Chi phí tài chính không phân bổ			(43.341.305.744)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh			(73.600.275.093)
Kết quả từ các hoạt động khác			(7.598.395.984)
Chi phí thuế thu nhập			836.986.583
Lỗ thuần sau thuế			(80.361.684.494)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tài sản của bộ phận			
Phải thu của khách hàng	7.560.841.378	1.076.730.906	8.637.572.284
Hàng tồn kho, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	13.999.060.940	-	13.999.060.940
Phải thu dài hạn khác	7.001.000.000	-	7.001.000.000
Tài sản cố định	193.508.693.052	-	193.508.693.052
Bất động sản đầu tư	-	228.631.005.659	228.631.005.659
Chi phí phải trả dài hạn	945.213.565	50.322.625.443	51.267.839.008
Tài sản không phân bổ			98.842.441.599
Tổng tài sản			601.887.612.542
Nợ phải trả của bộ phận			
Phải trả người bán	25.716.380.008	9.689.500.000	35.405.880.008
Trả trước của khách hàng	276.112.228	-	276.112.228
Chi phí phải trả	2.256.155.227	27.837.235.261	30.093.390.488
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.508.542.288	-	1.508.542.288
Nợ thuê tài chính dài hạn	167.935.888.117	-	167.935.888.117
Phải trả ngắn hạn khác	531.192.000	-	531.192.000
Phải trả dài hạn khác	20.000.000	24.075.642.669	24.095.642.669
Nợ phải trả không phân bổ			499.720.515.935
Tổng nợ phải trả			759.567.163.733
2024	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tổng doanh thu bộ phận thuần	160.665.015.254	22.613.332.561	183.278.347.815
Giá vốn hàng bán bộ phận	(123.057.612.631)	(9.924.989.377)	(132.982.602.008)
Chi phí bán hàng bộ phận	(49.936.055.948)	-	(49.936.055.948)
(Lỗ)/lợi nhuận gộp của bộ phận	(12.328.653.325)	12.688.343.184	359.689.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(21.653.295.474)
Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ			2.994.014.832
Chi phí tài chính không phân bổ			(40.530.053.743)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh			(58.829.644.526)
Kết quả từ các hoạt động khác			(7.839.849.168)
Chi phí thuế thu nhập			1.084.751.607
Lỗ thuần sau thuế			(65.584.742.087)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tài sản của bộ phận			
Phải thu của khách hàng	2.294.893.004	3.683.289.817	5.978.182.821
Hàng tồn kho, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	40.933.065.931	-	40.933.065.931
Phải thu dài hạn khác	7.001.000.000	-	7.001.000.000
Tài sản cố định	201.907.434.402	-	201.907.434.402
Bất động sản đầu tư	-	238.898.563.811	238.898.563.811
Chi phí phải trả dài hạn	962.812.149	51.972.547.587	52.935.359.736
Tài sản không phân bổ			99.479.732.401
Tổng tài sản			647.133.339.102
Nợ phải trả của bộ phận			
Phải trả người bán	32.247.856.637	9.689.500.000	41.937.356.637
Trả trước của khách hàng	211.212.827	-	211.212.827
Chi phí phải trả	5.489.507.515	27.837.235.261	33.326.742.776
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.383.983.750	-	1.383.983.750
Nợ thuê tài chính dài hạn	169.444.430.406	-	169.444.430.406
Phải trả ngắn hạn khác	488.102.000	-	488.102.000
Phải trả dài hạn khác	20.000.000	5.287.070.229	5.307.070.229
Nợ phải trả không phân bổ			472.352.307.174
Tổng nợ phải trả			724.451.205.799

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	42.059.755	41.120.731
Tiền gửi ngân hàng	35.667.053.359	15.831.174.659
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	50.000.000.000
	70.709.113.114	65.872.295.390

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 4,75% mỗi năm (1/1/2025: từ 2% đến 4,75% mỗi năm).

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Tân Gia Hân	4.726.087.907	-
Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam	1.040.720.765	2.971.947.115
Công ty Cổ phần Song Mã Việt	456.922.900	456.922.900
Các khách hàng khác	4.568.317.615	4.612.405.129
	10.792.049.187	8.041.275.144

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	581	109
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	585	200
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	5	
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	300	1

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 10 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

		31/12/2025			1/1/2025		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn							
Công ty TNHH Một Thành Viên							
Thạch Thuận Thành	Trên 3 năm	250.657.220	(250.657.220)	-	250.657.220	(250.657.220)	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trên 3 năm	322.620.177	(322.620.177)	-	322.620.177	(322.620.177)	-
Ông Lý Hoàng Phi	Trên 3 năm	155.999.833	(155.999.833)	-	155.999.833	(155.999.833)	-
	Từ 2 năm						
Công ty Cổ phần Song Mã Việt	đến 3 năm	319.846.030	(319.846.030)	-	228.461.450	(228.461.450)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	1.105.353.643	(1.105.353.643)	-	1.105.353.643	(1.105.353.643)	-
		2.154.476.903	(2.154.476.903)	-	2.063.092.323	(2.063.092.323)	-

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.647.674.291	(865)	15.972.626.511	(122.161.161)
Công cụ và dụng cụ	2.000.699.868	(112)	1.900.253.649	(835.571.942)
Thành phẩm	4.210.017.442	-	23.939.008.994	-
	14.858.391.601	(977)	41.811.889.154	(957.733.103)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 958 triệu VND (1/1/2025: 1.203 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển và khó bán.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	957.733.103	1.562.892.388
Dự phòng trích lập trong năm	313.017.684	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(371.947.198)	(605.159.285)
Số dư cuối năm	898.803.589	957.733.103

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1.468.573.016	(1.429.100.088)	1.641.262.069	(1.562.352.189)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.562.352.189	398.199.598
Dự phòng trích lập trong năm	23.330.862	1.595.864.356
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(156.582.963)	(431.711.765)
 Số dư cuối năm	 1.429.100.088	 1.562.352.189

9. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc để thuê nhà xưởng dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
Đặt cọc khác	1.000.000	1.000.000
	 7.001.000.000	 7.001.000.000

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.913.958.699	96.609.836.461	8.235.438.142	1.231.641.423	114.990.874.725
Tăng trong năm	-	825.825.000	-	101.930.000	927.755.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản đang dở	-	1.823.165.000	-	-	1.823.165.000
Số dư cuối năm	8.913.958.699	99.258.826.461	8.235.438.142	1.333.571.423	117.741.794.725
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.387.717.168	48.803.968.411	7.029.032.785	649.086.558	64.869.804.922
Khấu hao trong năm	335.599.917	4.930.551.402	602.793.612	50.162.878	5.919.107.809
Số dư cuối năm	8.723.317.085	53.734.519.813	7.631.826.397	699.249.436	70.788.912.731
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	526.241.531	47.805.868.050	1.206.405.357	582.554.865	50.121.069.803
Số dư cuối năm	190.641.614	45.524.306.648	603.611.745	634.321.987	46.952.881.994

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 50.022 triệu VND (1/1/2025: 46.307 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	21.796.361.466
Khấu hao trong năm	5.230.553.541
Số dư cuối năm	27.026.915.007
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	151.786.364.599
Số dư cuối năm	146.555.811.058

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy vi tính và nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	228.631.005.659	238.898.563.811
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.408.250.000	2.408.250.000
	231.039.255.659	241.306.813.811

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

**Nhà cửa,
vật kiến trúc
VND**

Nguyên giá

Số dư đầu năm và số dư cuối năm 255.567.525.291

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm 16.668.961.480

Khấu hao trong năm 10.267.558.152

Số dư cuối năm 26.936.519.632

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm 238.898.563.811

Số dư cuối năm 228.631.005.659

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm nhà kho xây sẵn cho thuê tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 thể hiện quyền sử dụng đất ở Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	2.240.671.822	972.859.822
Tăng trong năm	548.807.545	1.267.812.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.823.165.000)	-
Số dư cuối năm	966.314.367	2.240.671.822

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án nhà máy Củ Chi	650.756.138	650.756.138
Phí đăng ký nhãn hiệu	107.331.429	107.331.429
Hệ thống Bồn chứa Đường Fructose	-	1.267.812.000
Các công trình khác	208.226.800	214.772.255
Tổng cộng	966.314.367	2.240.671.822

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025 và 1/1/2025		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần Bía - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.105.000	5,525%	6.500.000.000	(*)	-

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	51.972.547.587	962.812.149	52.935.359.736
Tăng trong năm	-	928.770.611	928.770.611
Phân bổ trong năm	(1.649.922.144)	(946.369.195)	(2.596.291.339)
Số dư cuối năm	50.322.625.443	945.213.565	51.267.839.008

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	15.081.943.197	19.283.348.943
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	9.689.500.000	9.689.500.000
Các nhà cung cấp khác	10.634.436.811	12.964.507.694
	35.405.880.008	41.937.356.637

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	15.081.943.197	19.283.348.943
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	21.428.179	22.110.596
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	794.329.560
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	68.860.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cân trừ/hoàn trả trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	13.840.193.424	0836	(13.561.730.762)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.157.906.103	0255	(116.535.310)	(26.301.772)	95.510.466
Thuế nhà đất	-	30.974.520.336	1677	-	194.279.040	-
Thuế khác	457	395.170.097	2612	-	-	425.853.702
	457	46.367.789.960	3395	(13.678.266.072)	167.977.268	521.364.168

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.837.235.261	27.837.235.261
Chi phí lãi vay	4.671.765.703	3.799.212.014
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.568.488.383	2.462.392.737
Chi phí vận chuyển và bốc dỡ	283.952.900	692.327.353
Chi phí phải trả khác	403.713.944	2.334.787.425
	34.765.156.191	37.125.954.790

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	50	400
Cổ tức phải trả	200	200
Các khoản phải trả khác	7	82
	796.978.321	748.323.821

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	24.095.642.669	5.307.070.229

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	461.719.706.807	25.551.553.817	-	487.271.260.624
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.383.983.750	1.508.542.289	(1.383.983.751)	1.508.542.288
	463.103.690.557	27.060.096.106	(1.383.983.751)	488.779.802.912

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, công ty mẹ	VND	6,3% - 7%	487.271.260.624	461.719.706.807

Các khoản vay này không được bảo đảm.

(b) Nợ thuê tài chính

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nợ thuê tài chính	169.444.430.406	170.828.414.156
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.508.542.288)	(1.383.983.750)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	167.935.888.117	169.444.430.406

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	16.101.530.820	14.592.988.532	1.508.542.288
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	56.936.920.621	7.469.202.659
Sau năm năm	370.335.208.861	209.868.523.402	160.466.685.459
	450.842.862.961	281.398.432.555	169.444.430.406
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	16.101.530.820	14.717.547.070	1.383.983.750
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	57.553.643.777	6.852.479.503
Sau năm năm	386.436.739.680	223.844.788.777	162.591.950.903
	466.944.393.780	296.115.979.624	170.828.414.156

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	3.195.430.750	3.772.937.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	1.286.504.771	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(759.846.536)	(577.506.250)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.722.088.985	3.195.430.750

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(200.955.682.716)	(11.733.124.610)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(65.584.742.087)	(65.584.742.087)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(266.540.424.803)	(77.317.866.697)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(80.361.684.494)	(80.361.684.494)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(346.902.109.297)	(157.679.551.191)



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	22.360	347.276.838
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.477.640	84.776.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	705.626.200	517.194.000
Từ hai đến năm năm	2.822.504.800	2.068.776.000
Sau năm năm	12.380.962.500	13.288.341.000
	15.909.093.500	15.874.311.000

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

		31/12/2025	1/1/2025
Đơn vị	Số lượng	VND	Số lượng VND
Nước giải khát	Lít	325.477 6.363.106.382	372.458 7.034.012.673

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	655	21.771.760	668	16.891.859
▪ EUR	485	14.732.776	485	12.639.361
		<hr/>		<hr/>
		36.504.536		29.531.220

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và cho thuê kho, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	139.156.609.836	167.144.018.832
▪ Cung cấp dịch vụ cho thuê	25.840.140.975	22.613.332.561
▪ Doanh thu khác	1.815.644.562	1.202.887.976
	<hr/>	<hr/>
	166.812.395.373	190.960.239.369
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	6.381.714.643	7.681.891.554
	<hr/>	<hr/>
	160.430.680.730	183.278.347.815
	<hr/>	<hr/>

28. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm đã bán	108.001.705.552	122.498.619.325
Cung cấp dịch vụ cho thuê	11.212.808.989	9.924.989.377
Dự phòng hàng tồn kho	(192.181.615)	558.993.306
	<hr/>	<hr/>
	119.022.332.926	132.982.602.008
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.870.962.287	2.394.260.335
Thu nhập từ cổ tức	-	552.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	42.358.343
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.958.679	4.896.154
	<hr/>	<hr/>
	1.879.920.966	2.994.014.832

30. Chi phí hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay	26.424.107.506	24.362.739.305
Chi phí lãi vay từ thuê tài chính	16.890.763.183	16.158.150.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.435.055	9.163.806
	<hr/>	<hr/>
	43.341.305.744	40.530.053.743

31. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuê đất	27.239.215.868	25.306.139.782
Chi phí nhân viên	16.677.491.040	14.713.931.884
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	3.279.064.201	4.844.806.095
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.598.652.933	1.601.699.551
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	865.909.133	1.751.782.336
Chi phí bán hàng khác	3.053.565.446	1.717.696.300
	<hr/>	<hr/>
	52.713.898.621	49.936.055.948

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	12.243.550.578	8.287.110.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.354.116.969	7.343.328.269
Chi phí khấu hao	1.187.572.755	1.180.382.494
Chi phí thuê đất	303.499.901	518.131.565
Chi phí quản lý khác	2.744.599.295	4.324.342.219
	<hr/> 20.833.339.498 <hr/>	<hr/> 21.653.295.474 <hr/>

33. Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
Bồi thường bảo hiểm	257.000.674	-
Thu từ hợp tác kinh doanh	-	1.314.349.545
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	895.436.818
Hỗ trợ tiếp thị	-	223.085.965
Thu nhập khác	339.509.167	357.408.891
	<hr/> 596.509.841 <hr/>	<hr/> 2.790.281.219 <hr/>

34. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư trong thời gian không sử dụng	4.306.264.171	5.397.542.848
Chi phí thuê đất cho hợp tác kinh doanh	3.145.891.995	1.238.817.364
Tiền phạt	388.170.097	369.270.875
Phân bổ chi phí thuê đất	-	1.314.349.545
Chi phí khác	354.579.562	2.310.149.755
	<hr/> 8.194.905.825 <hr/>	<hr/> 10.630.130.387 <hr/>

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	84,935,916,251	98.817.386.089
Chi phí nhân công và nhân viên	45,873,690,298	39.680.057.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,869,240,827	43.248.783.841
Chi phí khấu hao	21,417,219,502	21.324.155.701
Chi phí khác	6,229,503,546	6.899.113.024

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(81.198.671.077)	(66.669.493.694)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(16.239.734.215)	(13.333.898.739)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.225.322.537	9.986.563.064
Thu nhập không bị tính thuế	-	(110.500.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	5.177.425.095	2.373.084.068
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(836.986.583)	(1.084.751.607)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	189.173.975.660	37.834.795.132	163.286.850.183	32.657.370.037

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	32.262.290.937
2027	Chưa quyết toán	41.655.378.480
2028	Chưa quyết toán	77.503.760.429
2029	Chưa quyết toán	11.865.420.337
2030	Chưa quyết toán	25.887.125.477
		189.173.975.660

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế vì không chắc chắn sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích từ đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(80.361.684.494)	(65.584.742.087)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 8.477.640 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm	933.505.516	1.263.381.488
Doanh thu cho thuê	380.218.894	10.091.043.011
Các khoản vay được giải ngân	20.000.000	-
Chi phí lãi vay	26.424.107.506	24.362.739.305
Chuyển từ lãi phải trả sang vay ngắn hạn.	25.551.553.817	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh		
Bán thành phẩm	38.263.641	38.481.822
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi		
Bán thành phẩm	21.327.272	16.118.182
Mua nguyên vật liệu	-	167.946.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Bán thành phẩm	92.230.976	129.354.207
Doanh thu khác	-	7.592.739
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Bán thành phẩm	49.820.135	32.015.692
Mua hàng hóa	48.302.000	187.800.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	-	8.538.386.536
F&N Global Marketing Pte. Ltd		
Nhận hỗ trợ tiếp thị	-	223.085.965
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Bán thành phẩm	28.241.838	34.227.371
Chi phí mua dịch vụ quản lý xây dựng	975.000.000	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Bán thành phẩm	666.366.739	988.220.945
Mua hàng hóa	186.168.049	-

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán thành phẩm	78.229.242	157.283.842
Doanh thu khác	-	28.585.360
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Bán thành phẩm	67.300.000	100.230.510
Doanh thu khác	-	11.222.532
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Bán thành phẩm	196.116.162	248.436.466
Thu nhập cho thuê	-	390.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Bán thành phẩm	218.804.207	184.719.851
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	24.981.482	33.018.106
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Bán thành phẩm	44.333.333	102.667.587
Doanh thu khác	-	6.010.611
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Bán thành phẩm	73.198.148	108.702.027
Doanh thu khác	-	15.338.495
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Bán thành phẩm	102.033.333	110.236.873
Doanh thu khác	-	6.991.781
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	252.093.837	347.387.031
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	2.046.296	5.927.259
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán hàng hóa	22.881.848	763.636
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán thành phẩm	50.834.260	62.501.032
Doanh thu khác	-	5.940.920

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội		
Bán thành phẩm	-	100.288.506
Doanh thu khác	-	10.156.802
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán thành phẩm	64.807.408	80.203.039
Doanh thu khác	-	8.573.450
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán thành phẩm	94.707.568	145.713.277
Mua hàng hóa	-	151.006.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung		
Bán hàng hóa	-	73.118.058
Doanh thu khác	-	3.866.870
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán thành phẩm	38.778.704	55.148.772
Mua dịch vụ	-	4.871.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán thành phẩm	133.527.777	192.552.294
Doanh thu khác	-	15.520.566
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cổ tức nhận được	-	552.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Bán thành phẩm	149.535.354	208.098.061
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Bán thành phẩm	137.046.296	172.293.648
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán thành phẩm	64.162.037	87.442.606
Doanh thu khác	-	11.121.906
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng		
Bán thành phẩm	60.611.111	88.698.909
Doanh thu khác	-	231.481



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Bán thành phẩm	111.844.922	153.594.163
Mua hàng hóa	-	13.325.000
Mua dịch vụ	555.353.000	1.412.678.800
Mua tài sản cố định	485.825.000	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	63.700.000	124.670.000
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam		
Doanh thu khác	-	183.889.993
Mua nguyên vật liệu	27.898.861.546	61.502.256.462
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tình Malaya Việt Nam		
Mua hàng hóa	1.291.308.480	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán thành phẩm	69.027.778	93.366.679
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán thành phẩm	1.145.458	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Trần Đức Hòa – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Đặng Trung Kiên – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lê Tuấn – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Phước Thoại – Trưởng ban Kiểm soát	434.472.942	409.859.825
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
Tổng thu nhập	1.575.186.519	775.297.267

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2025	2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	37.526.735.261	38.321.064.821

40. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, các cổ đông của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (“Chương Dương”), đã thông qua phương án chuyển nhượng Dự án Đầu tư Nhà máy Nước giải khát Nhơn Trạch 3 và các tài sản liên quan, đại diện cho mảng kinh doanh sản phẩm nước giải khát của công ty, cho một đối tác phù hợp. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Chương Dương đang trong quá trình xem xét các đề nghị từ một số bên quan tâm.

41. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 15 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Nguyễn Thúy Phượng
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026

DỰ THẢO**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO)

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (Công ty).

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025;

Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm Soát trong năm 2025.

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại Hội đồng Cổ đông báo cáo đánh giá hoạt động của Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động BKS trong năm 2026 như sau:

I. Nhân sự và thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát - thành viên Kiểm soát theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

Nhân sự Ban Kiểm Soát gồm 3 thành viên:

- (Ông) Nguyễn Phước Thoại: Trưởng ban kiểm soát
- (Ông) Nguyễn Hoàng Hiệp: Thành viên
- (Bà) Nguyễn Thị Ngọc Dung: Thành viên

Thù lao, tiền lương chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2025 phê duyệt. Trong đó: + Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương (theo chủ trương của Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn) và các chế độ khác theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	Người	01	01
2	Quỹ tiền lương	Đồng	425,674,858	417,854,748
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	-	-
II	Thù lao			

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	02	02
2	Quỹ thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
Tổng tiền		Đồng	529,674,858	521,854,748

II. Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025:

2.1 Tổng kết số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2025:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã: Tổ chức thực hiện: 02 cuộc họp.

2.2 Cách thức giám sát tình hình hoạt động của Công ty năm 2025:

- Tham gia đầy đủ 04/04 buổi họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình kinh doanh, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025, Nghị quyết HĐQT, báo cáo quản trị của HĐQT.
- Xem xét tính hợp pháp của các quyết định của HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế quản lý tài chính của Đơn vị.
- Tham gia vào việc soạn thảo, soát xét các quy chế của Công ty, góp phần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả và phù hợp pháp luật hiện hành.
- Soát xét các Báo cáo tài chính định kỳ tháng/quý/năm trên cơ sở các quy định, quy chế Công ty; kiểm tra tính pháp lý của chứng từ nhằm đánh giá tính thận trọng, tính trung thực và hợp lý, hợp lệ của các số liệu tài chính thể hiện trên các báo cáo của Công ty.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

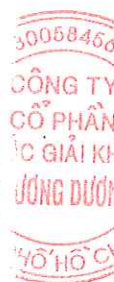
3.1 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	Thực hiện/ kế hoạch %
Doanh thu thuần: bán hàng-dịch vụ	"	160,431	260,341	62%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	169,282	273,514	62%
- Doanh thu bán hàng-dịch vụ	"	166,805	272,759	
- Thu nhập HĐTC	"	1,880	755	
- Thu nhập khác	"	597	-	
Tổng chi phí	"	250,481	354,776	71%
- Chiết khấu	"	6,375	12,418	51%
- Giá vốn	"	119,022	178,714	67%

- Chi phí bán hàng	"	52,714	79,146	67%
- Chi phí quản lý	"	20,833	25,527	82%
- Chi phí tài chính	"	43,341	45,384	95%
- Chi phí khác	"	8,195	13,586	60%
Tổng lợi nhuận trước thuế	"	(81,199)	(81,262)	99.9%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	"	(837)	(769)	108.8%
Lợi nhuận sau thuế	"	(80,362)	(80,493)	99.8%

Nhận xét, đánh giá:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là 169,28 tỷ đồng chỉ đạt 62% kế hoạch, tương ứng 86% cùng kỳ năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế vẫn lỗ -80,36 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch năm (lỗ -80,49 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bán hàng – dịch vụ lỗ -32,14 tỷ, lợi nhuận hoạt động tài chính và khác lỗ -49,06 tỷ.
- Kết quả tiêu thụ trong năm 2025: đạt 61,3% kế hoạch năm, đồng nghĩa làm giảm doanh thu bán hàng thuần tương ứng đạt 56% kế hoạch.



3.2 - Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2025:

Các chỉ tiêu	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng tài sản	601,887,612,542	647,133,339,102
Tài sản ngắn hạn	105,776,537,831	130,211,636,337
Trong đó:		
Tiền và tương đương tiền	70,709,113,114	65,872,295,390
Hàng tồn kho	13,959,588,012	40,854,156,051
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10,792,049,187	8,041,275,144
Ngắn hạn khác	10,315,787,518	15,443,909,752
Tài sản dài hạn	496,111,074,711	516,921,702,765
Trong đó:		
Tài sản cố định, Bất động sản	277,992,137,653	291,427,883,614
Tài sản cố định thuê tài chính	146,555,811,058	151,786,364,599
Tài sản dài hạn, xây dựng cơ bản	58,062,126,000	60,206,454,552
Dài hạn khác	13,501,000,000	13,501,000,000
Tổng nguồn vốn	601,887,612,542	647,133,339,102
Nợ phải trả	759,567,163,733	724,451,205,799
Trong đó:		
Phải trả người bán ngắn hạn	35,405,880,008	41,937,356,637
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	521,364,168	43,152,777

<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	488,779,802,912	463,103,690,557
<i>Nợ dài hạn</i>	195,753,619,771	177,946,931,385
<i>Phải trả khác</i>	39,106,496,874	41,420,074,443
Vốn chủ sở hữu	(157,679,551,191)	(77,317,866,697)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vốn góp của chủ sở hữu:</i>	85,000,000,000	85,000,000,000
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(347,276,838)	(347,276,838)
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	104,569,834,944	104,569,834,944
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ)</i>	(346,902,109,297)	(266,540,424,803)

3.3 - Kết quả giám sát và phối hợp hoạt động của BKS với Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành.

- BKS thực hiện kiểm soát định kỳ số liệu báo cáo tài chính tháng/quý của Công ty. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ hiện hành của Công ty.
- HĐQT, BDH đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, ban hành các nghị quyết và quyết định mang tính định hướng cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.
- BKS đã được HĐQT, BDH tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Tại ngày 16/08/2025 Hội đồng quản trị đã chấp thuận đơn từ nhiệm Giám đốc – Phạm Tấn Lợi và bổ nhiệm mới Giám đốc- Vũ Thành Chung thay thế.
- Báo cáo đánh giá về các giao dịch với Người có liên quan là:
 - o Với các công ty trong hệ thống SABECO: nghị quyết 02/2025/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025: Giao dịch mua bán hàng hoá
 - o Tổng Công Ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (Sabeco): nghị quyết 02 và 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/09/2025: Phê duyệt gia hạn trả nợ vay.

IV. Phương hướng hoạt động năm 2026:

1. Tiếp tục giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác của Luật doanh nghiệp và pháp luật Nhà nước.
2. Kiểm soát hoạt động của Công ty, HĐQT theo chức năng nhiệm vụ của BKS.
3. Tiếp tục tham gia hiệu chỉnh các quy chế, qui định Công ty theo Luật định hiện hành.
4. Căn cứ kết quả kinh doanh, thực hiện kiểm soát định kỳ tháng/quý/năm hoặc đột xuất nhằm đề xuất giải pháp phòng ngừa rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.
5. BKS thống nhất với HĐQT, kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026: giống như công ty kiểm toán độc lập của Sabeco.

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội đồng Cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 đến các năm tiếp theo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS;
- Lưu HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Phước Thoại





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn



Số: 0 /2026/TTr- HĐQT

Tp HCM, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022;
- Căn cứ đề xuất của Ban Kiểm Soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và các giai đoạn có liên quan khác như công ty kiểm toán độc lập của Công ty mẹ (SABECO).

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Số: 0 /2026/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

- Căn cứ Nghị quyết số 02 /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua **phương án phân phối lợi nhuận năm 2025**, cụ thể như sau:

No.	Diễn giải	Kế hoạch 2025 (Triệu đồng)	Thực hiện 2025 (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	-266,540.42	-266,540.42
2	Lợi nhuận sau thuế	-80,492.59	-80,361.68
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	0.00	0.00
	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	0	0.00
	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	0	0
	Trích Quỹ Công tác xã hội	0	0
	Chia cổ tức	0	0
	Tỷ lệ chia cổ tức	0,00%	0,00%
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	-347,033.01	-346,902.11

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK. HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Số.: 0 /2026/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

DỰ THẢO

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022
- Căn cứ Nghị quyết số 02 /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	Đồng	494,000,000	494,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	494,000,000	494,000,000

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	1	1

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
2	Quỹ tiền lương	Đồng	425,674,858	417,854,748
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	529,674,858	521,854,748

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tan Teck Chuan Lester

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn

Số: 0/2026/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****V/v: Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát****Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương; Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	Đồng	494,000,000	494,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	494,000,000	494,000,000

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	1	1

Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
2	Quỹ tiền lương	Đồng	417,854,748	432,473,000
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	521,854,748	536,473,000

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK. HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel.: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Số: 0 /2026/TTr-HDQT

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 và Luật doanh nghiệp sửa đổi bổ sung năm 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ nhu cầu điều chỉnh, cập nhật Điều lệ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH NGÀY 25/4/2022	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) người. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) người. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo số lượng thành viên không điều hành tối thiểu sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty	Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 (sửa đổi bổ sung NĐ 155/2020/NĐ-CP) quy định: “Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác ” Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 (sửa đổi bổ sung NĐ 155/2020/NĐ-CP) quy định về số lượng thành viên HĐQT không điều hành tối thiểu.

	<p>có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên</p>	
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>7. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</p>	<p>Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 (sửa đổi bổ sung NĐ 155/2020/NĐ-CP) quy định: “Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán”</p>

Người đại diện theo pháp luật Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo quy định pháp luật.

Chi tiết sửa đổi Điều lệ được quy định tại Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ kèm theo

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Số : 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2026

DRAFT

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương ngày 21/4/2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam .

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2025

2.2. Kế hoạch năm 2026

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và định hướng năm 2026

Điều 4. Thông qua tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026
Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 và các giai đoạn liên quan theo Công ty mẹ là SABECO.

Điều 5. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025

Điều 6. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Điều 7. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

7.1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	Đồng	494,000,000	494,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	494,000,000	494,000,000

7.2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	1	1
2	Quỹ tiền lương	Đồng	425,674,858	417,854,748
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	529,674,858	521,854,748

Điều 8. Thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

8.1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	Đồng	494,000,000	494,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	494,000,000	494,000,000

8.2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Tiền lương, tiền thưởng			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	1	1
2	Quỹ tiền lương	Đồng	417,854,748	432,473,000
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	2	2
2	Quỹ thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	521,854,748	536,473,000

Điều 9. Thông qua Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung chi tiết tại **Phụ lục 01** đính kèm Nghị quyết này.

Phụ lục 01 kèm theo là một phần không tách rời của Nghị quyết này

Điều 11. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội nhất trí thông qua hợp lệ với tỷ lệ biểu quyết% và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CDBECO
- TV HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Giám đốc;
- Lưu VP. HĐQT, VPTCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 099 958

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn



DRAFT

PHỤ LỤC 01

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1.1. Sửa đổi Khoản 3, Điều 2 của Điều lệ Công ty Trục sở đăng ký của Công ty được sửa đổi như sau:

Địa chỉ trụ sở chính: 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Sửa đổi Khoản 1, Điều 4 của Điều lệ Công ty Ngành, nghề kinh doanh của CDBECO

1.3. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1.3.1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 26 như sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) người. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

1.3.2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 26 như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng thành viên không điều hành tối thiểu như sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Hội đồng quản trị có từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp Hội đồng quản trị có từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp Hội đồng quản trị có từ 09 đến 11 thành viên.

1.4. Bổ sung Khoản 7 Điều 43 – Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

Bổ sung Khoản 7 Điều 43 như sau:

Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Phụ lục này là bộ phận không tách rời của Điều lệ Công ty và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các nội dung khác của Điều lệ Công ty không được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thúy Phượng